



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM
VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 22, THÁNG 6 / 2022

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM





BẢN TIN SPS VIỆT NAM

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHIU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

BAN BIÊN TẬP

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban
(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cương

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 19/GP-XBBT ngày 12/4/2022

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

CHUYÊN MỤC

THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG

- Phổ biến rộng rãi quy định SPS để biết nông sản Việt đứng ở đâu 3
- Thực thi cam kết SPS ngay từ khâu đào tạo nhân lực 3
- Việt Nam Đề nghị EU làm rõ tiêu chí xác định tần suất kiểm tra thanh long 3
- Niu Di-lân đề xuất sửa đổi thông báo thực phẩm (mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp) 3
- Bang Cô ét thông báo 153 thông số kỹ thuật đối với thực phẩm và nông sản 3

Ý KIẾN - TRAO ĐỔI

- Canada đề xuất mức dư lượng tối đa cho fluensulfone 3
- Nhật Bản đề xuất mức dư lượng tối đa cho picroxystrobin 3
- U Crai Na ra luật số 2246 “về việc sửa đổi một số luật về sản xuất và cung cấp không bị gián đoạn các sản phẩm nông nghiệp trong thời gian thiết quân luật” 3
- Canada đề xuất mức dư lượng tối đa cho topramezone 3
- Thái Lan tiếp tục tạm đình chỉ nhập khẩu đối với lợn nuôi, lợn rừng và thịt lợn từ Việt Nam 3
- Canada đề xuất mức dư lượng tối đa cho oxathiapiprolin
- Nhật Bản đề xuất mức dư lượng tối đa cho tetraniliprole ... 3
- Nhật Bản đề xuất mức dư lượng tối đa cho Cyantraniliprole 3
- Nhật Bản đề xuất mức dư lượng tối đa cho Cyfluthrin 3
- Nhật Bản đề xuất mức dư lượng tối đa cho Lubabegron 3
- 3

VĂN BẢN MỚI

- Dự thảo quy định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 6/2022 3

PHỔ BIẾN RỘNG RÃI QUY ĐỊNH SPS ĐỂ BIẾT NÔNG SẢN VIỆT ĐÚNG Ở ĐÂU

Phó Giám đốc Sở NN-PTNT tỉnh Sơn La, bà Cầm Thị Phong nhận xét, công tác tuyên truyền về việc thực thi cam kết SPS là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

■ **THS. NGUYỄN HỮU HÒA** - Đại học Nông Lâm Thái Nguyên



TS. Đào Văn Cường, cán bộ Văn phòng SPS Việt Nam.

Ảnh: Đức Toàn

Văn phòng SPS Việt Nam vừa phối hợp Sở NN-PTNT, Sở Công thương, cùng một số UBND huyện trên địa bàn tỉnh Sơn La tổ chức hội nghị phổ biến các quy định và thực thi cam kết SPS các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Với đối tượng là doanh nghiệp, HTX, người dân có nhu cầu xuất khẩu, TS. Đào Văn Cường, chuyên viên Văn phòng SPS Việt Nam chỉ rõ: SPS được các quốc gia thành viên tham gia Hiệp định xây dựng, công bố và bắt buộc áp dụng cho tất cả các quốc gia thành viên. Đó cũng có thể do một quốc gia công bố và bắt buộc áp dụng với các quốc gia xuất khẩu.

Theo ông Cường, mỗi quốc gia thành viên WTO chỉ áp dụng các biện pháp SPS được chứng minh đảm bảo khoa học, phù hợp với rủi ro có liên quan. Đồng thời, bên nhập khẩu sẽ đảm bảo các yêu cầu nhập khẩu công bằng, không phân biệt đối xử; đảm bảo minh bạch; các thủ tục nhập khẩu phải đảm bảo giảm

thiểu tiêu cực tới thương mại.

Với riêng thị trường EU, Hiệp định EVFTA nêu: Hàng hóa xuất khẩu phải được phía EU cho phép nhập khẩu và được cấp các chứng nhận phù hợp. Ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần chứng nhận và bảo đảm hàng hóa đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của EU.

Theo ông Cường, một số mặt hàng của Việt Nam đặc biệt hưởng lợi từ EVFTA. Ví dụ, EU cam kết thuế 0% dành cho hạn ngạch 80.000 tấn gạo/năm với gạo xay xát và gạo thơm. Riêng mặt hàng gạo tấm không còn hạn ngạch và sẽ xóa bỏ thuế trong 5 năm.

Một số sản phẩm khác được EU cấp hạn ngạch mỗi năm, gồm 500 tấn trứng gia cầm, 400 tấn tỏi, 5.000 tấn ngô, 30.000 tấn bột sắn, 11.500 tấn cá ngừ, 20.000 tấn đường...

Hưởng lợi từ thuế trong các FTA thế hệ mới, nhưng nông sản Việt cũng gặp thách thức với các hàng rào kỹ thuật. Văn phòng SPS Việt Nam cho biết, so với cùng kỳ năm 2021, số lượng cảnh báo từ các thành viên WTO với Việt Nam tăng 12%. Với thị trường EU, cảnh báo nhiều nhất là về dư lượng hóa chất (47,5%).

Làm rõ hơn về các yêu cầu xuất khẩu, TS. Nguyễn Đắc Bình Minh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ Khoa học và Công nghệ) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Theo ông Minh, vấn đề truy xuất nguồn gốc được nhắc đến như một yêu cầu bắt buộc của

nhiều FTA đa phương. Riêng thị trường EU, từ 1/1/2005, khối này đã đưa truy xuất nguồn gốc trở thành quy định bắt buộc đối với các nước thành viên của EU.

Với thị trường Trung Quốc, phía bạn yêu cầu từ năm 2019, 9 loại trái cây nhập khẩu chính ngạch từ Việt Nam phải được truy xuất nguồn gốc, gồm: vải thiều, nhãn, dưa hấu, thanh long, chôm chôm, chuối, mít, xoài, măng cụt.

Viện trưởng Minh cũng liệt kê một số công nghệ đang được áp dụng trong truy xuất nguồn gốc, và nhấn mạnh: "Hoạt động này giúp phát hiện, ngăn chặn các hành vi buôn bán hàng nhái, hàng giả... tạo thị trường minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các bên liên quan".



Bà Cẩm Thị Phong, Phó Giám đốc Sở NN-PTNT tỉnh Sơn La.

Ảnh: Đức Toàn

Lắng nghe ý kiến của các đơn vị chuyên môn, bà Cẩm Thị Phong, Phó Giám đốc Sở NN-PTNT tỉnh Sơn La chia sẻ: "Công tác tuyên truyền về việc thực thi cam kết SPS là hết sức cần thiết. Thông qua những hội nghị như vậy, chúng ta mới biết chính xác mình đang đứng chỗ nào, và cần thay đổi ra sao, từ cách sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, cũng như việc ghi chép đảm bảo truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu".

Là vùng nông nghiệp trọng điểm của cả nước, với hơn 82.000 ha cây ăn quả, Sơn La đã chủ động thành lập một tổ công tác, kết nối trực tiếp với các cửa khẩu, nhằm kịp thời thông báo cho các hội nhóm, giúp HTX sớm nắm thông tin thị trường trước khi vận chuyển hàng hóa.



Sơn La có nhiều nông sản với sản lượng đứng top đầu cả nước

Sau thành công từ đề án phát triển cây ăn quả trên đất dốc giai đoạn 2015-2020, Sơn La tiếp tục chuyển dịch từ nền nông nghiệp sản lượng sang nâng cao chất lượng hàng hóa, chú trọng những sản phẩm đặc sản, có giá trị hàng hóa lớn, giúp lan tỏa những tiến bộ kỹ thuật nhiều hơn tới người dân.

Đồng thời, tỉnh cũng liên tục đôn đốc, kiểm tra, giám sát các mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói để đảm bảo không bị gián đoạn xuất khẩu.

Là một trong những khách mời của hội nghị, ông Nguyễn Văn Phương, Phó Chủ tịch UBND huyện Sông Mã cho biết, huyện tiếp tục xác định thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc, bên cạnh việc đưa nông sản tiếp cận dần với EU.

"Chúng tôi đã làm việc với một số doanh nghiệp thu mua, nhằm đảm bảo yêu cầu kiểm dịch thực vật của thị trường nhập khẩu. 3 yếu tố huyện Sông Mã luôn tuyên truyền tới bà con, là mã số cơ sở đóng gói, mã số vùng trồng, và tem truy xuất nguồn gốc. Ngoài ra, là việc thực

hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn như VietGAP, cũng như tạo điều kiện để đưa nông sản đến các trạm Eurofins kiểm nghiệm mức dư lượng trước khi xuất sang EU", ông Phương nói.

Sông Mã được xem là vựa nhãn của Sơn La, với diện tích khoảng 7.500 ha, sản lượng hàng năm khoảng 70.000 tấn quả tươi, trong đó 40% tiêu thụ dưới dạng chế biến. Nhờ tận dụng những chính sách của Trung ương, của tỉnh, Sông Mã đã đầu tư, mở rộng nhiều công nghệ như làm long nhãn bằng lò hơi nhiệt.

Huyện hiện có hơn 2.900 lò sấy các loại, công suất có thể đạt 2.000 tấn quả tươi/ngày. Đây là một trong những biện pháp giúp Sông Mã nâng cao giá trị quả nhãn, đồng thời tạo công ăn việc làm cho người dân. ■

THỰC THI CAM KẾT SPS NGAY TỪ KHÂU ĐÀO TẠO NHÂN LỰC

GS.TS. Vũ Thị Phương Anh, Hiệu trưởng Cao đẳng Quảng Nam nhận xét, động lực quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế bền vững là con người được đào tạo tay nghề.

■ **TS. DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN** - Đại học Nông Lâm Thái Nguyên



Bà Vũ Thị Phương Anh, Hiệu trưởng Cao đẳng Quảng Nam phát biểu khai mạc diễn đàn.

Phát biểu khai mạc Diễn đàn Thực thi cam kết về SPS trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) ngày 30/6, PGS.TS. Vũ Thị Phương Anh, Hiệu trưởng Cao đẳng Quảng Nam nhấn mạnh đến công tác đào tạo nguồn nhân lực.

Theo bà Phương Anh, nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là lời giải cho nhiều vấn đề như giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Đồng thời, nguồn nhân lực chất lượng cao giúp đảm bảo

an sinh xã hội, công ăn việc làm ổn định, cũng như giữ vững an ninh lương thực quốc gia.

Nguồn nhân lực được đảm bảo cũng là một cách để nền nông nghiệp nước nhà thích ứng với những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường. Trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng, các hàng rào về thuế được thay thế bằng hàng rào kỹ thuật, được quy định trong cam kết SPS của các hiệp định thương mại tự do (FTA).

Tuy nhiên, Việt Nam hiện thiếu hụt rất lớn cả về số lượng lẫn chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là lao động trẻ, theo bà Phương Anh. Lực lượng lao động tham gia sản xuất trong khu vực nông nghiệp phần lớn là người cao tuổi, sản xuất cá thể và dựa vào kinh nghiệm là chính. Việc áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến chưa nhiều.

"Động lực quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế bền vững là con người được đào tạo, đặc biệt là nhân lực có kỹ năng nghề nghiệp cao. Trong bối cảnh, nguồn lực tự nhiên có nguy cơ cạn kiệt, nguồn nhân lực chất lượng cao điều kiện then chốt để thực hiện thành công chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững", PGS.TS. Vũ Thị Phương Anh bày tỏ.

Quảng Nam hiện có 37 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó số trường có đào tạo các ngành nông lâm nghiệp tương đối ít. Trường Cao đẳng Quảng Nam thuộc số hiếm các trường có đầy đủ các ngành nông nghiệp như chăn nuôi, thú y, khoa học cây trồng, lâm



Toàn cảnh hội nghị tại Hội trường Cao đẳng Quảng Nam

ngiệp, thủy sản... Đây là cơ hội cho trường xây dựng nguồn nhân lực khai thác thảm thực vật phong phú trên địa bàn.

Với quy mô đào tạo 700 học sinh, sinh viên ở cấp cao đẳng và trung cấp, tỷ lệ học sinh, sinh viên các ngành nông nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành ngay sau ra trường trung bình là 80%, sau 6 tháng là 95%, thậm chí có những ngành 100%.

Nhằm giúp học sinh, sinh viên có thêm cơ hội việc làm, Cao đẳng Quảng Nam đã chủ động xã hội hóa nguồn lực. Nhà trường ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp lớn về chăn nuôi, thú y, thủy sản, đồng thời tạo điều kiện để học sinh, sinh viên có nhiều thời gian tiếp xúc, làm việc với ngành nông nghiệp trong thực tế.

"Càng nhận thức sớm, tiếp xúc với thực tế nhiều, tay nghề của học sinh, sinh viên càng được nâng cao. Đó là động lực lớn nhất thúc đẩy phát triển kinh tế. Thực thi các cam kết SPS cũng nằm một trong số đó", Hiệu trưởng Cao đẳng Quảng Nam bày tỏ.

Chia sẻ thêm tại diễn đàn, TS. Ngô Xuân Nam, Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam kể lại chuyến công tác châu Âu, nhân dự phiên họp thứ 83 của Ủy ban SPS-WTO diễn ra từ 22-24/6.

Theo ông Nam, nông sản tại châu Âu rất có giá trị. Ví dụ, 4 quả cà chua bán tại một siêu thị ở Geneva, Thụy Sĩ có giá khoảng 200.000 đồng, hoặc 1kg vải thiều có giá lên tới 500.000 đồng. Vấn đề nằm ở chỗ, làm thế nào và bao giờ nông sản Việt có thể "thâm nhập sâu" vào thị trường này.

Một trong những rào cản lớn nhất của nông sản Việt, khi đưa vào EU, là các vấn đề liên quan đến dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Với tư duy sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún của người dân, khả năng kiểm soát vấn đề này khó triệt để, theo ông Nam. Nguyên nhân bởi, dư lượng thuốc có thể xuất hiện khi người dân sử dụng chung các bình pha chế thuốc; hoặc lan theo



(TS. Ngô Xuân Nam, Phó Giám đốc - Văn phòng SPS Việt Nam trả lời phần thảo luận tại diễn đàn)

gió, nước, đất từ ruộng bên cạnh; thậm chí chưa cập nhật kịp danh sách mới nhất mà EU ban hành.

"Để giải quyết một cách căn cơ, không gì khác hơn là chúng ta phải nâng cao nhận thức,

bắt đầu từ những người trực tiếp sản xuất là nông dân hiện tại, sau đó là những nông dân công nghệ cao tương lai. Số đó, có thể đang ngồi rất nhiều tại các trường cao đẳng, dạy nghề", TS. Ngô Xuân Nam nhận xét.

Tham luận tại diễn đàn ngày 30/6, đại diện Viện Bảo vệ thực vật, Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng những công nghệ sơ chế, bảo quản nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn, kéo dài thời gian bảo quản nông sản khi vận chuyển. Cùng việc phối hợp chặt chẽ Văn phòng SPS Việt Nam, tất cả chung tay đưa nông sản Việt vượt qua những rào cản kỹ thuật của các thị trường. ■

VIỆT NAM ĐỀ NGHỊ EU LÀM RÕ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH TẦM SUẤT KIỂM TRA THANH LONG

■ **NGUYỄN NGỌC BÁCH** - Cục chế biến và Phát triển thị trường nông sản

Tại phiên họp thứ 83 của Ủy ban SPS-WTO, Văn phòng SPS Việt Nam có 6 phiên làm việc song phương, trong đó trọng tâm là 2 buổi trao đổi với EU và Trung Quốc.

Phiên họp lần thứ 83 của Ủy ban An toàn

thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật (Ủy ban SPS-WTO) diễn ra từ ngày 22 - 24/6 tại trụ sở WTO, Geneva, Thụy Sĩ. Theo quy định, mỗi năm WTO tổ chức 3 kỳ họp, dành cho tất cả thành viên WTO có liên quan đến việc thực thi các Hiệp định SPS.



Ảnh: Đức Hiệp

Nằm trong kế hoạch họp thường xuyên năm 2022 của Văn phòng SPS Việt Nam tại Ủy ban SPS-WTO, đoàn Việt Nam dự kiến tham gia phiên họp với 3 nội dung chính.

Thứ nhất, tham dự phiên họp chuyên đề về "Sử dụng công cụ kiểm toán và giám sát từ xa (trực tuyến) trong quản lý" và tham dự hội thảo "Tập huấn về công cụ ePing SPS-TBT".

Thứ hai, rà soát việc thực hiện nghĩa vụ minh bạch hóa theo Hiệp định SPS.

Thứ ba, hợp song phương về các nội dung cấp bách, với đoàn đại diện các quốc gia gồm: EU, Trung Quốc, Ả Rập Xê-út, Brazil, Pakistan và Vương quốc Anh.

Cụ thể, Văn phòng SPS Việt Nam sẽ làm việc với phía EU, nhằm thống nhất giải pháp và tiến độ để EU giảm tần suất kiểm tra nông sản, thực phẩm của Việt Nam, đặc biệt là quả thanh long, các loại rau gia vị, đậu bắp, ớt và thực phẩm ăn liền.

Với Trung Quốc, SPS Việt Nam đề nghị làm rõ các tiêu chí Trung Quốc trong việc đáp ứng Lệnh 248, Lệnh 249, đồng thời phối hợp rà soát hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sau tháng 6/2023, và mở cửa thị trường cho một số nông sản như sầu riêng, khoai lang...

Ngoài ra, đoàn Việt Nam sẽ làm việc với Brazil về phụ gia thực phẩm thủy sản, chế độ xử lý nhiệt sản phẩm tôm đã chế biến); Ả Rập Xê-út về mở cửa lại thị trường cho thủy sản nuôi trồng như tôm, cá tra; Pakistan về quy định Aflatoxin trong chè; Vương quốc Anh về làm rõ mẫu chứng nhận kiểm dịch thực vật mới.

Hai phiên làm việc song phương với EU và Trung Quốc được Văn phòng SPS Việt Nam đặt trọng tâm trong chuyến công tác sắp tới.

TS. Ngô Xuân Nam, Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam chia sẻ: "Văn phòng SPS Việt Nam sẽ trao đổi với phía EU, đề nghị phía bạn làm rõ các tiêu chí về tần suất kiểm tra một số nông sản, thực phẩm xuất khẩu, cũng như đi đến thống nhất các giải pháp nhằm giảm tần suất kiểm tra, giúp doanh nghiệp, người dân đảm bảo hoạt động xuất nhập khẩu".

Theo ông Nam, xét về mức độ không tuân thủ trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022, chỉ có 1 lô hàng thanh long xuất khẩu sang EU không đạt, do Việt Nam đã thực hiện tốt việc kiểm soát MRLs với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

Đây là cơ sở để SPS Việt Nam đề nghị EU giảm tần suất kiểm tra thanh long, cũng như một số sản phẩm khác. Trước đó, vào ngày 13/6, EU thông báo tiếp tục duy trì yêu cầu bổ sung giấy Chứng nhận an toàn thực phẩm và tần suất kiểm tra 20% đối với thanh long và mì ăn liền có nguồn gốc từ Việt Nam (trong thành phần có chứa gia vị và một số nguyên liệu, phụ gia khác).

Với một số nông sản khác, EU giữ tần suất kiểm tra 50% đối với: mùi tây, rau mùi, húng quế, bạc hà, đậu bắp và ớt thuộc giống Capsicum.

Những quy định này khiến doanh nghiệp xuất khẩu, HTX, nông dân trực tiếp sản xuất bị ảnh hưởng.

Về buổi làm việc với Trung Quốc, ông Ngô Xuân Nam cho biết, phía bạn chuẩn bị triển khai kiểm tra trực tuyến với một số nhóm mặt hàng được quy định theo Lệnh 249. "Chúng tôi sẽ đề nghị Trung Quốc làm rõ các nội dung cũng như tần suất kiểm tra để phối hợp nhịp nhàng, đồng thời có cơ sở để tổ chức phổ biến cho các cơ quan liên quan và doanh nghiệp sản xuất, nhằm tránh tình trạng gián đoạn thương mại", ông Nam nhấn mạnh. ■



TS. Ngô Xuân Nam, Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ảnh: Đức Hiệp

NIU DI LÂN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI THÔNG BÁO THỰC PHẨM (MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO CÁC HỢP CHẤT NÔNG NGHIỆP)

Ngày 14/6/2022, Niu Di-lân đưa ra thông báo số G/SPS/N/NZL/687 nhằm thông báo về việc sửa đổi Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp.

■ **TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Tài liệu bao gồm các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi thông báo hiện hành được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm 2014 liệt kê các mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân. MPI đề xuất các sửa đổi sau đối với thông báo:

a) Việc thiết lập các mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp, cho các hợp chất và hàng hóa sau:

- Altrenogest, đặt MRLs ở mức 0,004 mg/kg trong mỡ ngựa, 0,001 (*) mg/kg trong thịt ngựa và 0,004 mg/kg trong nội tạng ngựa;



Ảnh: Nguồn internet

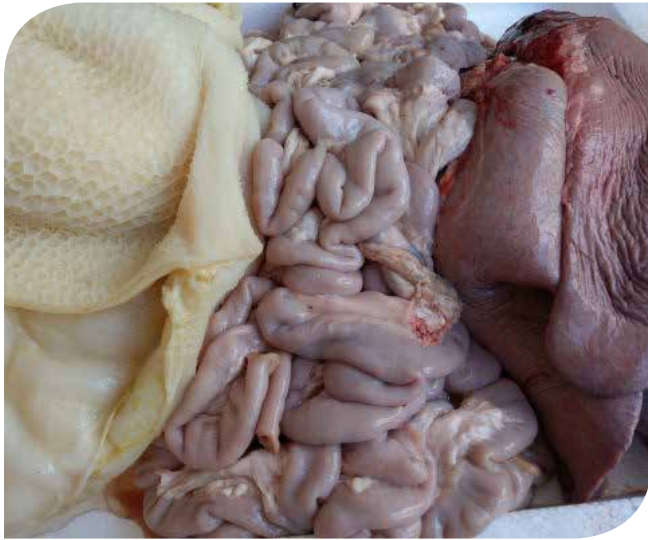


Ảnh: Nguồn internet

- Isofetamid, đặt MRLs ở mức 0,08 mg/kg đối với nho, 0,01 (*) mg/kg đối với thịt động vật có vú, 0,01 (*) mg/kg đối với nội tạng động vật có vú và 0,01 (*) mg/kg đối với sữa;



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet

- Oleandomycin, đặt MRLs ở mức 0,1 mg/kg đối với thịt gia súc, 0,1 mg/kg đối với nội tạng gia súc và 0,05 (*) mg/kg đối với sữa gia súc;

(*) cho biết mức dư lượng tối đa đã được thiết lập bằng hoặc gần giới hạn định lượng phân tích.

b) Việc sửa đổi các mục hiện có trong Bảng 1, Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp, cho các hợp chất và hàng hóa sau:

- Abamectin, đặt MRLs ở mức 0,02 mg/kg đối với gan gia súc, 0,01 mg/kg đối với thận gia súc, 0,003 (*) mg/kg đối với sữa, 0,02 mg/kg đối với gan hươu, 0,01 mg/kg đối với thận hươu, 0,01 mg/kg đối với mỡ hươu, và 0,01 mg/kg đối với thịt hươu;

- Nitroxylin, bổ sung MRL 0,02 (*) mg/kg cho sữa gia súc; - Maldison (Malathion), để căn chỉnh nhóm cây trồng cho 'Rau ăn quả' với nhóm do Codex thiết lập;

- Sulfoxaflo, để căn chỉnh nhóm cây trồng cho 'Rau ăn quả' với nhóm do Codex thiết lập;

(*) cho biết mức dư lượng tối đa đã được thiết lập bằng hoặc gần giới hạn định lượng phân tích.

c) Loại bỏ các mục hiện có trong Bảng 1, Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp, đối với azocyclotin và kanamycin;

d) Việc sửa đổi mục hiện có trong Phụ lục 2, dành cho Hóa chất nông nghiệp không áp dụng mức dư lượng tối đa cho các hợp chất sau:

- Axit photphorous, để điều chỉnh từ ngữ của điều kiện áp dụng cho danh sách Bảng 2 để làm rõ phạm vi của nó. ■

BANG CÔ ÉT THÔNG BÁO 153 THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI THỰC PHẨM VÀ NÔNG SẢN

Ngày 17/6/2022, Bang Cô ét đưa ra thông báo số G/SPS/N/KWT/120 nhằm thông báo 153 thông số kỹ thuật đối với thực phẩm và nông sản. Thông báo này hủy bỏ tất cả các quyết định trước đó về việc áp dụng các quy định kỹ thuật và các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn Cô-ét.

■ **THS. ĐINH ĐỨC HIỆP** - Văn phòng SPS Việt Nam

Thịt và nội tạng ăn được (mã HS: 02); Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác (mã HS: 03); Sản phẩm từ sữa; trứng chim; mật ong thiên nhiên; sản phẩm ăn được có nguồn gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã HS: 04); Sản phẩm có nguồn gốc động vật, chưa được nêu rõ hoặc ghi ở nơi khác (mã HS: 05); Rau ăn được và một số loại rễ, củ, quả (mã HS: 07); Trái cây và quả hạch ăn được; vỏ quả có múi hoặc dưa (mã HS: 08); Cà phê, chè và gia vị (mã HS: 09); Ngũ cốc (mã HS: 10); Sản phẩm của ngành xay xát; mạch nha; tinh bột; inulin; gluten lúa mì (mã HS: 11); Hạt có dầu và quả có dầu; ngũ cốc, hạt và trái cây khác; cây công nghiệp hoặc cây thuốc; rơm, rạ và thức ăn gia súc (mã HS: 12);

Lạc; gôm, nhựa và các loại bao bì và chiết xuất từ thực vật khác (mã HS: 13); Dầu mỡ động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; chất béo ăn được chế biến sẵn; sáp động vật hoặc thực vật (mã HS: 15); Các chế phẩm từ thịt, cá hoặc động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác (mã HS: 16); Đường và bánh kẹo có đường (mã HS: 17); Ca cao và các chế phẩm từ ca cao (mã HS: 18); Các chế phẩm từ ngũ cốc, bột mì, tinh bột hoặc sữa; sản phẩm của pastrycooks (mã HS: 19); Các chế phẩm từ rau, quả, hạt hoặc các bộ phận khác của thực vật (mã HS: 20); Các chế phẩm ăn được khác (mã HS: 21); Đồ uống, rượu mạnh và giấm (mã HS: 22); Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá đã sản xuất (mã HS: 24); Công nghệ thực phẩm (mã ICS: 67). ■

CANADA ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO FLUENSULFONE

Ngày 08/6/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1439 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho fluensulfone.

■ **THS. BÙI ĐỨC TOÀN** - Văn phòng SPS Việt Nam

Thông báo PMRL2022-11 tham vấn ý kiến về mức giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho fluensulfone do Cơ quan quản lý dịch hại, Bộ Y tế Ca-na-đa (PMRA) đề xuất:

MRL (ppm)	Nông sản thô (RAC) và nông sản đã qua chế biến
20	Rau cải xanh (nhóm cây trồng 5B)
15	Dầu cam quýt
4.0	Rau củ (trừ củ cải đường) (nhóm cây trồng 1B), rau ăn lá (trừ rau họ cải) (nhóm cây trồng 4)
2.0	Khoai tây chiên, bột khoai tây
1.5	Đầu và thân cây Brassica (nhóm cây trồng 5A), nho khô

0.9	Táo khô
0.8	Rau củ và lá giải thân hành (nhóm cây trồng 1C), dây leo quả nhỏ (nhóm cây trồng 13-07D)
0.5	Quả mọng mọc thấp (nhóm cây trồng 13-07G)
0.4	Quả dạng táo (nhóm cây trồng 11-09)
0.3	Quả có múi (nhóm cây trồng 10) (sữa đổi), mật mía
0.15	Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)
0.06	Mía
0.02	Hạt cây (nhóm cây trồng 14-11)

CANADA ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO FLUOPYRAM

Ngày 02/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1437 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho fluopyram.

■ **THS. TRẦN THÙY DUNG** - Cục Bảo vệ thực vật

Mục tiêu của tài liệu PMRL2022-09 là tham khảo ý kiến về các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với fluopyram đã được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất:

MRL (ppm)	Nông sản thô (RAC) và nông sản đã qua chế biến
0,5	Hạt ngũ cốc (nhóm cây trồng 15), trừ gạo và ngô ^{2,3}
0,3	Hạt cải dầu (phần nhóm cây trồng 20A) (sữa đổi) ⁴
0,03	Hạt cà phê
0,02	Ngô đồng, hạt bông ngô ²
0,01	ngô bắp đã bỏ vỏ ²

¹ppm = phần triệu.

²MRLs được đề xuất để thay thế MRL 1,5 ppm hiện đã được thiết lập

cho các loại hạt ngũ cốc (cây trồng nhóm 15), trừ gạo.

³Có đề xuất rằng MRL hiện tại là 2,0 ppm đối với cám và mầm lúa mì phải được thu hồi. Sau khi thu hồi mức 2,0 ppm MRL đối với cám và mầm lúa mì, những mặt hàng lúa mì này

sẽ được điều chỉnh theo các loại hạt ngũ cốc được đề xuất (nhóm cây trồng 15) với mức MRL là 0,5 ppm.

⁴MRL được đề xuất để thay thế MRL hiện được thiết lập là 1,8 ppm đối với hạt cải dầu (cây trồng phân nhóm 20A) (sửa đổi). ■

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO PICOXYSTROBIN

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1031 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Picoxystrobin.

■ **NGUYỄN NGỌC BÁCH** - Cục chế biến và Phát triển thị trường nông sản

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Lúa mì	0.04	0.04
Lúa mạch	0.3	0.3
Lúa mạch đen	0.04	0.04
Ngô (ngô, bao gồm bông ngô và ngô ngọt)	0.04	0.04
Đậu nành, khô	0.06	0.06
Khoai mỡ Nhật Bản (và cả khoai mỡ Trung Quốc)	0.01	0.05
Củ cải Nhật Bản, phần rễ củ	0.08	0.1
Củ cải Nhật Bản, phần	30	15
Củ cải, phần lá	70	40
Bắp cải	2	1
Bông cải trắng	6	
Bông cải xanh	6	5
Các loại rau họ cải khác ⁴	6	
Xà lách	20	15
Hẹ	30	15

U CRAI NA RA LUẬT SỐ 2246 "VỀ VIỆC SỬA ĐỔI MỘT SỐ LUẬT VỀ SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP KHÔNG BỊ GIÁN ĐOẠN CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRONG THỜI GIAN THIẾT QUÂN LUẬT"

Ngày 03/6/2022, U-crai-na đưa ra thông báo số G/SPS/N/UKR/174 nhằm thông báo về việc Luật số 2246 của U-crai-na "Về việc sửa đổi một số luật về sản xuất và cung cấp không bị gián đoạn các sản phẩm nông nghiệp trong thời gian thiết quân luật" ngày 12 tháng 5 năm 2022.

■ **TS. PHẠM DIỆU THÙY** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Luật quy định:

1) Đơn giản hóa các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với xuất khẩu, nhập khẩu và vận chuyển các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc thực vật qua lãnh thổ U-crai-na, đặc biệt là khả năng lập giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật dưới dạng điện tử;

2) trong thời gian thiết quân luật và trong vòng 90 ngày sau khi chấm dứt hoặc hủy bỏ:

- Mở rộng danh sách các đơn vị có thể lấy mẫu và tiến hành kiểm tra KDTV, cụ thể là đưa ra trình tự đơn giản hóa việc ủy quyền cho các phòng thí nghiệm tư nhân và khả năng lấy mẫu của các chuyên gia của các phòng thí nghiệm đó, cũng như các chuyên gia đánh giá chứng nhận (thanh tra nông học);

- Khả năng cấp lại giấy chứng nhận KDTV;

- Đơn giản hóa các thủ tục nộp hồ sơ đăng ký nhà nước về thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp để luật của U-crai-na tương thích với luật của Liên minh Châu Âu, đặc biệt là các điều trong Quy định (EC) số 396/2005 về việc yêu cầu phải có kết luận giám định vệ sinh dịch tễ;

- Mở rộng danh sách các hóa chất nông

nghiệp được phép nhập khẩu vào U-crai-na, sản xuất, buôn bán, sử dụng và quảng cáo mà không cần đăng ký nhà nước;

3) Khả năng cho các nhà sản xuất các sản phẩm hữu cơ của U-crai-na, được sản xuất theo tiêu chuẩn của EU, chuyển sang tiêu chuẩn sản xuất của U-crai-na mà không cần thêm thời gian chuyển tiếp (nếu việc này tiến hành trên một mẫu giấy chứng nhận);

4) Quy định trong vòng ba năm kể từ ngày chấm dứt hoặc hủy bỏ thiết quân luật nhập khẩu (gửi) hàng hóa phải kiểm tra chứng từ, kiểm tra tuân thủ và kiểm tra thực tế được thực hiện tại các trạm kiểm soát (điểm kiểm soát) qua biên giới nhà nước của U-crai-na;

5) Các điều khoản loại trừ cấm nhập khẩu vào U-crai-na hàng hóa có động vật sống quá cảnh qua các quốc gia có các trường hợp mắc bệnh nguy hiểm theo danh sách của OIE mà động vật có liên quan dễ mắc bệnh;

6) Hoãn việc ban hành Luật "Về thuốc thú y" của U-crai-na một năm sau khi chấm dứt hoặc hủy bỏ thiết quân luật, nhưng không muộn hơn ngày 1 tháng 1 năm 2024. ■

CANADA ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO TOPRAMEZONE

Ngày 02/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1435 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho topramezone.

■ **TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam



Ảnh: Nguồn internet

Mục tiêu của tài liệu PMRL2022-07 là tham khảo ý kiến về giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho topramezone đã được Cơ quan quản lý

dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất. Đối với Phụ phẩm từ mỡ và thịt của gia cầm (từ việc tiêu thụ thức ăn gia cầm được xử lý bằng topramezone) thì MRL là 0,05 ppm;

Đối với Hạt cải dầu (phân nhóm cây trồng 20A) (sữa đổi); trứng và thịt gia cầm thì MRL là 0,01 ppm



Ảnh: Nguồn internet

THÁI LAN TIẾP TỤC TẠM ĐÌNH CHỈ NHẬP KHẨU ĐỐI VỚI LỢN NUÔI, LỢN RỪNG VÀ THỊT LỢN TỪ VIỆT NAM

Ngày 01/6/2022, Cục chăn nuôi Thái Lan đưa ra thông báo số G/SPS/N/THA/541 nhằm thông báo về việc tiếp tục tạm đình chỉ nhập khẩu đối với lợn nuôi, lợn rừng và thịt lợn từ Việt Nam nhằm phòng ngừa lây lan của dịch Tả lợn Châu Phi.

■ **TS. DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet

Theo thông báo trên Công báo Chính phủ ngày 14 tháng 2 năm 2022, việc tạm ngừng nhập khẩu lợn sống, lợn rừng và thịt của chúng từ Việt Nam kể từ ngày 16 tháng 2 năm 2022, đã hết hạn vào ngày 16 tháng 5 năm 2022. Tuy nhiên, OIE đã thông báo việc bùng phát dịch tả lợn Châu Phi tại Việt Nam vẫn tiếp tục. Vì vậy, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh dịch tả lợn châu Phi vào nước này. Theo Đạo luật Dịch tễ động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu lợn sống và lợn rừng và thịt của chúng từ Việt Nam bị tạm ngừng trong 90 ngày kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2022.



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet

CANADA ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO OXATHIPIPROLIN

Ngày 10/6/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1440 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Oxathiapiprolin.

■ **TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Mục tiêu của tài liệu PMRL2022-12 là tham khảo ý kiến về giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho oxathiapiprolin đã được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.

Đối với Hoa bia khô thì MRL là 0,05 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

Đối với Đậu nành khô; hạt giống hoa hướng dương; trứng gà; mỡ, thịt và các sản phẩm phụ từ thịt của gia cầm



Ảnh: Nguồn internet

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO TETRANILIPROLE

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1033 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Tetraniliprole.

■ **THS. TRẦN THÙY DUNG** - Cục Bảo vệ thực vật

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Gạo (gạo lứt)	0.01	0.01
Ngô (ngô, bao gồm bông ngô và ngô ngọt)	0.01	0.05
Đậu nành, khô	0.2	0.2
Khoai sọ	0.01	0.05
Củ cải Nhật, phần rễ củ	0.03	
Củ cải Nhật, phần lá	30	
Bắp cải Trung Quốc	4	3
Bắp cải	2	2
Cải xoăn	20	15
Komatsuna (rau cải bó xôi Nhật Bản)	20	15
Cải Kyona	10	10
Cải Qing-geng-cai	7	5
Bông cải xanh	9	10
Bắp cải	0.3	2.0
Các loại rau họ cải khác ¹	0.1	0.5
Xà lách	40	20
Tỏi tây	2	2
Cà chua	2	2
Pimiento (ớt ngọt)	3	2
Cà tím	0.8	0.7
Dưa chuột (bao gồm cả dưa chuột bao tử)	0.5	0.5
Dưa hấu (cả quả sau khi bỏ cuống)	0.4	0.3
Dưa (cả quả sau khi bỏ cuống)	0.5	0.5
Rau chân vịt	30	
Đậu Hà Lan non (có vỏ)	3	
Đậu thận non (có vỏ)	2	

Đậu nành xanh	2	2
Cam Unshu (nguyên quả)	1	
Cam natsudaidai (nguyên quả)	0.9	
Chanh vàng	2	
Cam (kể cả cam vàng Navel)	1	
Bưởi	0.9	
Chanh vỏ xanh	2	
Các loại quả chi cam chanh khác ²	2	
Táo	1	1
Lê Nhật	0.5	0.5
Quả lê	0.5	0.5
Đào (nguyên quả sau khi đã loại bỏ cuống và hạt nhưng phần còn lại được tính và thể hiện trên toàn bộ mặt hàng không có cuống)	0.9	1
Cây xuân đào	0.9	
Quả mơ	2	1
Mận Nhật (kể cả mận khô)	0.1	0.1
Mơ Nhật Bản	2	1
Quả anh đào	1	1
Dâu tây	2	2
Quả nho	2	2
Hồng nhật	0.5	0.5
Hạt bạch quả	0.03	
Hạt dẻ	0.03	
Hồ đào	0.03	
Hạnh nhân	0.03	
Quả óc chó	0.03	
Các loại hạt khác ³	0.03	
Trà	80	50

Các loại thảo mộc khác ⁴	20	15
Gia súc, cơ bắp	0.02	
Các loại động vật có vú trên cạn khác, cơ bắp ⁵	0.02	
Gia súc, mỡ	0.04	
Các loại động vật có vú trên cạn khác, mỡ	0.04	
Gia súc, gan	0.3	
Động vật có vú sống trên cạn khác, gan	0.3	
Gia súc, thận	0.3	
Động vật có vú sống trên cạn khác, thận	0.3	
Gia súc, phủ tạng ăn được ⁶	0.3	
Động vật có vú sống trên cạn khác, phủ tạng ăn được	0.3	
Sữa	0.05	

Cá	0.05	0.05
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0.05	0.05



Ảnh: Nguồn internet

U CRAI NA RA NGHỊ QUYẾT SỐ 398 CỦA NỘI CÁC BỘ TRƯỞNG VỀ "VẤN ĐỀ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP VÀ THỦ TỤC KDTV TRONG THỜI ĐIỂM THIẾT QUÂN LUẬT"

Ngày 10/6/2022, U-crai-na đưa ra thông báo số G/SPS/N/UKR/175 nhằm thông báo về việc Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng U-crai-na ngày 7 tháng 5 năm 2022 số 537 "Một số vấn đề về kiểm soát nhà nước nhằm kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phụ phẩm động vật, sức khỏe và tình trạng của động vật, thú y nhà nước và kiểm soát vệ sinh và nhập khẩu hàng hóa đến lãnh thổ hải quan của U-crai-na trong thời gian thiết quân luật".

■ **THS. NGUYỄN HỮU HÒA** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Nghị quyết quy định các thủ tục về kiểm soát nhà nước để kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phụ phẩm có nguồn gốc động vật, thuốc thú y và tình trạng động vật, cũng như kiểm soát vệ sinh và thú y nhà nước, đồng thời xác định các chi tiết cụ thể của việc thực hiện chúng trong quá trình thiết quân luật ở U-crai-na, cụ thể là:

- Thực hiện kiểm soát của nhà nước đối với việc tuân thủ pháp luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phụ phẩm động vật, thuốc thú y và phúc lợi động vật tại tất cả các trạm kiểm soát của biên giới quốc gia U-crai-na và các khu vực kiểm soát hải quan trên lãnh thổ hải quan của U-crai-na, nếu có điều kiện thực hiện;

- Xác định danh sách đầy đủ các cơ sở để kiểm tra thực tế và kiểm tra trong phòng thí nghiệm đối với hàng hóa nhập khẩu vào U-crai-na;

- Quy định về thủ tục nhập khẩu vào U-crai-na các sản phẩm đã được chế biến phù hợp, phụ gia thức ăn chăn nuôi, thức ăn cho động vật phục vụ sản xuất, động vật sống cũng như thủ tục quá cảnh động vật sống;

- Nêu rõ khả năng nhập khẩu phụ gia thức ăn chăn nuôi và thức ăn chăn nuôi có đăng ký thích hợp tại Liên minh Châu Âu;

- Quy định về vấn đề nhập khẩu động vật sống và vật liệu tái sản xuất của chúng vào U-crai-na từ các cơ sở chưa từng được các chuyên gia U-crai-na kiểm tra, cũng như quy trình vận chuyển chúng qua lãnh thổ của các quốc gia đã đăng ký các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm ở động vật.



Ảnh: Nguồn internet

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO CYANTRANILIPROLE

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1027 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Cyantraniliprole.

■ **THS. TRẦN THÙY DUNG** - Cục Bảo vệ thực vật

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Gạo (gạo lứt)	0.05	0.05
Ngô (ngô, bao gồm bông ngô và ngô ngọt)	0.01	0.05

Đậu nành, khô	0.4	0.4
Đậu, khô	0.3	0.3
Đậu Hà Lan		0.3
Đậu tằm		0.3
Khoai tây	0.2	0.2

Khoai sọ	0.05	0.05
Khoai lang	0.2	0.2
Khoai mỡ Nhật Bản (gồm cả khoai mỡ Trung Quốc)	0.2	0.2
Củ cải đường	0.05	0.05
Củ cải Nhật Bản, phần củ	0.05	0.1
Củ cải Nhật Bản, phần lá	20	20
Cải ngựa	0.05	0.05
Bắp cải Trung Quốc	3	3
Bắp cải	2	2
Bắp cải Bruccen	2	2
Súp lơ	3	3
Bông cải xanh	3	3
Củ hành	0.05	0.05
Tỏi	0.05	0.05
Cà rốt	0.05	0.05
Cà chua	2	2
Cà tím	2	2
Pimiento (ớt ngọt)	2	2
Dưa chuột	0.3	0.3
Bí ngô (kể cả bí đao)	0.4	0.4
Chanh vàng	0.7	0.7
Dưa gang	0.3	0.3
Bưởi	0.7	0.7
Táo	0.8	0.8
Lê Nhật	1	1
Quả lê	2	2
Quả mơ	1	1
Mận Nhật	0.5	0.5
Dâu tây	2	1
Việt quất	4	4
Quả Nho	2	2

Hồng nhật	0.8	0.8
Xoài	0.7	
Hạt bông	2	2
Hạt cải dầu	2	2
Trà	30	30
Quả óc chó	0.04	0.04
Gia súc, cơ bắp	0.2	0.2
Gia súc, mỡ	0.5	0.5
Lợn, mỡ	0.5	
Lợn, gan	2	
Động vật có vú sống trên cạn khác, gan	2	2
Gia súc, thận	2	2
Lợn, thận	2	
Động vật có vú sống trên cạn khác, thận	2	2
Gia súc, phủ tạng ăn được	2	2
Lợn, phủ tạng ăn được	2	
Động vật có vú sống trên cạn khác, phủ tạng ăn được	2	2
Sữa	0.01	0.6
Gà, cơ bắp	0.02	0.02
Gà, mỡ	0.04	0.04
Gia cầm khác, mỡ	0.04	0.04
Gà, gan	0.2	0.2
Gia cầm khác, gan	0.2	0.2
Gà, thận	0.2	0.2
Gia cầm khác, thận	0.2	0.2
Gà, phủ tạng ăn được	0.2	0.2
Gia cầm khác, phủ tạng ăn được	0.2	0.2
Trứng gà	0.2	0.2
Trứng gia cầm khác	0.2	0.2

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO CYFLUTHRIN

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1034 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Cyfluthrin.

■ **THS. ĐINH ĐỨC HIỆP** - Văn phòng SPS Việt Nam

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Gạo (gạo lứt)		2
Lúa mì	0.2	2.0
Lúa mạch	0.2	2.0
Lúa mạch đen	0.2	2.0
Ngô (ngô, bao gồm bông ngô và ngô ngọt)	0.05	2.0
Kiểu mạch	0.2	2.0
Đậu nành, khô	0.05	0.5
Đậu, khô	0.2	0.5
Đậu Hà Lan	0.2	0.5
Đậu tằm	0.2	0.5
Đậu phộng, khô	0.05	0.5
Khoai tây	0.05	0.1
Khoai lang	0.05	0.1
Củ cải đường	0.2	0.5
Củ cải Nhật Bản, phần củ	0.2	0.5
Cải ngựa	0.05	0.02
Bắp cải Trung Quốc	1.0	2.0
Bắp cải	0.3	2.0
Ngưu bàng	0.1	0.5

Xà lách	0.5	2.0
Củ hành	0.05	2.0
Cà rốt	0.07	0.1
Cà chua	0.2	2.0
Pimiento (ớt ngọt)	0.2	5.0
Cà tím	0.2	2.0
Dưa chuột	0.1	2.0
Bí ngô (kể cả bí đao)	0.1	2.0
Gừng	0.05	0.02
Chanh	1.0	2.0
Bưởi	1.0	2.0
Táo	0.9	1.0
Lê Nhật	0.6	1.0
Quả lê	0.6	1.0
Cây xuân đào	0.3	1.0
Quả mơ	0.5	1.0
Mận Nhật	0.3	1.0
Quả anh đào	0.7	1.0
Quả Nho	2.0	1.0
Hồng nhật	0.7	1.0
Hạt bông	0.7	1.0
Hạt cải dầu	0.07	0.05
Trà	30	20

Gia súc, cơ bắp	0.2	0.02
Gia súc, mỡ	3	0.2
Lợn, mỡ	3	4
Lợn, gan	0.02	0.2
Động vật có vú sống trên cạn khác, gan	0.02	1.0
Gia súc, thận	0.06	0.02
Lợn, thận	0.06	0.2
Động vật có vú sống trên cạn khác, thận	0.06	1.0
Gia súc, phủ tạng ăn được	0.06	0.03
Lợn, phủ tạng ăn được	0.06	0.2
Động vật có vú sống trên cạn khác, phủ tạng ăn được	0.06	0.1

Sữa	0.2	0.04
Gà, cơ bắp	0.01	0.2
Gà, mỡ	0.01	1.0
Gia cầm khác, mỡ	0.01	1.0
Gà, gan	0.01	0.1
Gia cầm khác, gan	0.01	0.1
Gà, thận	0.01	0.1
Gia cầm khác, thận	0.01	0.1
Gà, phủ tạng ăn được	0.01	0.05
Gia cầm khác, phủ tạng ăn được	0.01	0.1
Trứng gà	0.01	0.05
Trứng gia cầm khác	0.01	0.05

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO LUBABEGRON

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1032 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Lubabegron.

■ **TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Gia súc, cơ bắp	0.01	
Gia súc, mỡ	0.01	
Gia súc, gan	0.01	
Gia súc, thận	0.01	
Gia súc, nội tạng ăn được	0.2	



Ảnh: Nguồn internet

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO PICOXYSTROBIN

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1031 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Picoxystrobin.

■ **TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Lúa mì	0.04	0.04
Lúa mạch	0.3	0.3
Lúa mạch đen	0.04	0.04
Ngô (ngô, bao gồm bông ngô và ngô ngọt)	0.04	0.04
Đậu nành, khô	0.06	0.06
Khoai mỡ Nhật Bản (và cả khoai mỡ Trung Quốc)	0.01	0.05

Củ cải Nhật Bản, phần rễ củ	0.08	0.1
Củ cải Nhật Bản, phần	30	15
Củ cải, phần lá	70	40
Bắp cải	2	1
Bông cải trắng	6	
Bông cải xanh	6	5
Các loại rau họ cải khác ⁴	6	
Xà lách	20	15
Hẹ	30	15

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO PENCYCURON

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1030 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Pencycuron.

■ **TS. DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Gạo (Gạo lứt)	0.3	0.3

Khoai tây	0.05	0.05
Khoai mỡ Nhật Bản (và cả khoai mỡ Trung Quốc)	0.2	0.2

Củ cải đường	0.5	0.5
Các loại rau khác1	0.7	0.7
Gia súc, cơ bắp	0.02	
Lợn, cơ bắp	0.01	
Động vật có vú sống trên cạn khác2, cơ bắp	0.02	
Gia súc, mỡ	0.2	
Lợn, mỡ	0.02	
Động vật có vú sống trên cạn khác, mỡ	0.2	
Gia súc, gan	0.03	
Lợn, gan	0.01	
Động vật có vú sống trên cạn khác, gan	0.03	
Gia súc, thận	0.02	
Lợn, thận	0.01	
Động vật có vú sống trên cạn khác, thận	0.02	
Gia súc, phủ tạng ăn được	0.03	
Lợn, phủ tạng ăn được	0.01	

Động vật có vú sống trên cạn khác, phủ tạng ăn được	0.03	
Sữa	0.02	
Cá	0.8	0.8



Ảnh: Nguồn internet

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO BACITRACIN

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1029 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Bacitracin.

■ **TS. PHẠM DIỆU THÙY** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Gia súc, cơ bắp	0.5	0.5
Lợn, cơ bắp	0.5	0.5

Các loài động vật có vú sống trên cạn khác, cơ bắp	0.2	0.2
Gia súc, mỡ	0.5	0.5

Lợn, mỡ	0.5	0.5
Các loài động vật có vú sống trên cạn khác, mỡ	0.2	0.2
Gia súc, gan	0.5	0.5
Lợn, gan	0.5	0.5
Động vật có vú sống trên cạn khác, gan	0.2	0.2
Gia súc, thận	0.5	0.5
Lợn, thận	0.5	0.5
Động vật có vú sống trên cạn khác, thận	0.2	0.2
Gia súc, nội tạng ăn được	0.5	0.5
Lợn, nội tạng ăn được	0.5	0.5
Động vật có vú sống trên cạn khác, nội tạng ăn được	0.2	0.2
Sữa	0.4	0.4
Gà, cơ bắp	0.5	0.5
Gia cầm khác, cơ bắp	0.5	0.5
Gà, mỡ	0.5	0.5
Gia cầm khác, mỡ	0.5	0.5
Gà, gan	0.5	0.5
Gia cầm khác, gan	0.5	0.5

Gà, thận	0.5	0.5
Gia cầm khác, thận	0.5	0.5
Gà, nội tạng ăn được	0.5	0.5
Gia cầm khác, nội tạng ăn được	0.5	0.5
Trứng gà	0.5	0.5
Trứng gia cầm khác	0.5	0.5



Ảnh: Nguồn internet

NHẬT BẢN ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO FLUFENOXURON

Ngày 24/5/2022, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1028 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Flufenoxuron.

■ **TS. NGUYỄN HỮU HÒA** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Sản phẩm	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện tại) ppm
Ngô (ngô, bao gồm bông ngô và ngô ngọt)	0.05	0.05
Đậu nành, khô	0.05	0.05
Đậu, khô	0.05	0.05
Khoai lang	0.02	0.02
Củ cải đường	0.3	0.5
Củ cải Nhật Bản, phần củ	0.07	0.1
Củ cải Nhật Bản, phần lá	9	10
Cải ngựa	0.2	0.2
Bắp cải Trung Quốc	0.4	0.5
Bắp cải	0.3	0.5
Củ hành	0.01	
Cà rốt	0.09	0.2
Cà chua	0.5	0.5
Pimiento (ớt ngọt)	1	1
Cà tím	2	2
Dưa chuột	0.5	0.5
Bí ngô (kể cả bí đao)	0.5	0.5
Táo	0.8	1
Lê Nhật	0.5	0.5
Quả lê	0.5	0.5
Quả mơ	5	5
Mận Nhật	0.2	0.2
Quả anh đào	2	2
Dâu tây	0.5	0.5
Quả Nho	0.9	2
Hồng nhật	0.7	0.7
Hạt bông		0.03
Trà	20	15
Gia súc, cơ bắp	0.05	
Lợn, cơ bắp	0.05	

Động vật có vú sống trên cạn khác, cơ bắp	0.05	
Gia súc, mỡ	2	
Lợn, mỡ	2	
Động vật có vú sống trên cạn khác, mỡ	2	
Gia súc, gan	0.2	
Lợn, gan	0.2	
Động vật có vú sống trên cạn khác, gan	0.2	
Gia súc, thận	0.1	
Lợn, thận	0.1	
Động vật có vú sống trên cạn khác, thận	0.1	
Gia súc, nội tạng ăn được	0.2	
Lợn, nội tạng ăn được	0.2	
Động vật có vú sống trên cạn khác, nội tạng ăn được	0.2	
Sữa	0.2	
Gà, cơ bắp	0.05	
Gia cầm khác, cơ bắp	0.05	
Gà, mỡ	0.1	
Gia cầm khác, mỡ	0.1	
Gà, gan	0.03	
Gia cầm khác, gan	0.03	
Gà, thận	0.03	
Gia cầm khác, thận	0.03	
Gà, phủ tạng ăn được	0.03	
Gia cầm khác, phủ tạng ăn được	0.03	
Trứng gà	0.2	
Trứng gia cầm khác	0.2	
Cá	2	2



Ảnh:
Nguồn internet

EU SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT THỰC PHẨM NHẬP KHẨU

Ngày 13/6/2022, EU chính thức thông báo ban hành Quy định (EU) 2022/913 ngày 30/5/2022 sửa đổi Quy định về các biện pháp kiểm soát thực phẩm xuất khẩu vào EU có hiệu lực từ 3/7/2022. Theo quy định này, có một số sản phẩm nông sản, thực phẩm của Việt Nam xuất khẩu vào EU.

■ **THS. ĐINH ĐỨC HIỆP** - Văn phòng SPS Việt Nam



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet

Cụ thể:

- Đối với sản phẩm ăn liền: EU chính thức đưa: bún, miến, phở ra khỏi danh mục quy định yêu cầu bổ sung giấy Chứng nhận an toàn thực phẩm theo Phụ lục 2, Quy định số (EU) 2021/2246 sửa đổi bổ sung Quy định (EU) 2019/1793

(thực phẩm ăn liền không có gói gia vị). EU tiếp tục duy trì yêu cầu bổ sung giấy Chứng nhận an toàn thực phẩm và tần suất kiểm tra 20% đối với mì ăn liền có nguồn gốc từ Việt Nam (trong thành phần có chứa gia vị và một số nguyên liệu, phụ gia khác).

- Đối với thanh long: EU tiếp tục duy trì trong danh mục yêu cầu bổ sung giấy Chứng nhận an toàn thực phẩm theo Phụ lục 2, Quy định số (EU) 2021/2246 sửa đổi bổ sung Quy định (EU) 2019/1793, giữ tần suất kiểm tra 20%.

- Đối với một số nông sản khác: EU giữ tần suất kiểm tra 50% đối với: mùi tây, rau mùi, húng quế, bạc hà, đậu bắp và ớt thuộc giống Capsicum.

Trong đợt rà soát này, EU điều chỉnh tần suất kiểm tra sản phẩm nông sản và thực phẩm của

38 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam. Theo quy định, 6 tháng 1 lần, Nghị viện Châu Âu (EP) và Hội đồng Châu Âu (EC) sẽ họp để xem xét, đánh giá mức độ vi phạm về an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của các quốc gia xuất khẩu vào EU. Để hạn chế vi phạm, doanh nghiệp cần lưu ý:

(1) Đối với mỳ ăn liền: Cần kiểm tra kỹ EO đối với gói gia vị, đặc biệt là rau sấy.

(2) Đối với thanh long: Cần phải kiểm soát tốt mức dư lượng tối đa cho phép thuốc BVTV (MRL) theo yêu cầu của EU, chú ý nhóm chất: Dithiocarbamates.



Ảnh: Nguồn internet

HOA KỲ ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO THIAMETHOXAM

Ngày 17/6/2022, Hoa Kỳ đưa ra thông báo số G/SPS/N/USA/3334 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho thiamethoxam.

■ **TS. DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Hoa Kỳ đề xuất mức dư lượng thiamethoxam, bao gồm các chất chuyển hóa của nó, trong hoặc trên quả dứa ở mức 0,04 ppm.



Ảnh: Nguồn internet

HOA KỲ ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO PICARBUTRAZOX

Ngày 16/6/2022, Hoa Kỳ đưa ra thông báo số G/SPS/N/USA/3332 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho picarbutrazox.

■ **TS. DƯƠNG THỊ HỒNG DUYÊN** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Hoa Kỳ đề xuất mức dư lượng picarbutrazox như sau:

+ Đối với bông ở mức 0,01 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

+ Ngũ cốc, ngũ cốc, trừ gạo, nhóm 15 ở mức 0,01 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

+ Ngũ cốc, ngũ cốc, thức ăn thô xanh, thức ăn gia súc và rơm, nhóm 16 ở mức 0,01 ppm;

+ Nhóm thảo mộc 25 ở mức 0,01 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

+ Phân nhóm hạt cải dầu 20A ở mức 0,01 ppm; nhóm gia vị 26 ở mức 0,01 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

+ Rau, đậu và thân, nhóm 5-16 ở mức 0,01 ppm;

+ Rau, củ nhóm 3-07 ở mức 0,01 ppm;

+ Rau, bầu bí nhóm 9 ở mức 0,01 ppm;



+ Lá rau họ đậu nhóm 7 ở mức 0,01 ppm;

+ Rau, quả nhóm 8-10 ở mức 0,01 ppm;

+ Rau ăn lá nhóm 4-16 ở mức 0,01 ppm;

+ Rau, lá rễ, củ nhóm 2 ở mức 0,01 ppm;

+ Rau họ đậu nhóm 6 ở mức 0,01 ppm;

+ Cuống lá rau, thân và lá nhóm 22 ở mức ở mức 0,01 ppm;

+ Rau, củ, phân nhóm 1A ở mức ở mức 0,01 ppm;

+ rau, củ, trừ khoai tây, phân nhóm 1D ở mức ở mức 0,01 ppm.■

NGA HẠN CHẾ NHẬP KHẨU LINH TRƯỞNG SỐNG VÀ ĐỘNG VẬT GẬM NHẮM

Ngày 16/6/2022, Cục Giám sát Thú y và Kiểm dịch Liên bang Nga đăng thông báo số G/SPS/N/RUS/252 nhằm đưa ra một lệnh hạn chế tạm thời đối với việc nhập khẩu động vật linh trưởng sống và động vật gặm nhấm từ tất cả các đối tác thương mại do sự bùng phát của bệnh đậu mùa khỉ.

■ **TS. PHẠM DIỆU THÙY** - Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet

Vi rút gây bệnh đậu mùa khỉ tương tự như vi rút gây bệnh đậu mùa ở người trước đây, thuộc chi Orthopoxvirus. Bệnh do vi rút đậu mùa khỉ gây ra ở người xảy ra ở Châu Phi một cách không thường xuyên. Hầu hết các trường hợp dịch đậu mùa khỉ được báo cáo là ở Cộng hòa Dân chủ Congo.

Kể từ năm 2016, các trường hợp bệnh đậu mùa khỉ đã được xác nhận tại Sierra Leone, Liberia, Cộng hòa Trung Phi, Cộng hòa Congo và Nigeria, đây là những nơi đã trải qua đợt bùng phát dịch đậu mùa khỉ lớn nhất gần đây, tỷ lệ mắc mới cao gấp 20 lần so với trước đó được giải thích là do việc ngừng tiêm chủng vắc xin đậu mùa vào năm 1980.

Những người đã được tiêm vắc xin đậu mùa, thậm chí đã tiêm hơn 25 năm trước, đều ít nguy cơ mắc bệnh đậu mùa khỉ. Các trường hợp mắc bệnh đậu mùa khỉ ở châu Phi có xu hướng ngày càng gia tăng do con người đang xâm phạm sâu vào môi trường sống của các loài động vật hoang dã mang vi rút đậu mùa khỉ.

Đậu mùa khỉ hiện nay có 2 chủng, với khả năng gây tử vong lần lượt là 1% hoặc 10%, tuy nhiên các chuyên gia cho rằng rủi ro của căn bệnh này hiện nay đối với cộng đồng còn thấp. Theo ghi nhận của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tính đến ngày 22/5 năm 2022, có đến 92 ca đậu mùa khỉ xuất hiện và 28 trường hợp nghi nhiễm tại 12 quốc gia, WHO dự đoán sắp tới các ca nhiễm sẽ xuất hiện nhiều hơn khi phạm vi giám sát của WHO được mở rộng.

Đậu mùa khỉ là loại vi rút lưu hành phổ biến ở các động vật có vú nhỏ tại châu Phi như chuột,

khí. Mầm bệnh đậu mùa khi xuất hiện lần đầu vào những năm 1950, lây nhiễm sang người vào năm 1970. Bệnh đậu mùa khi có thể lây truyền từ động vật sang người qua tiếp xúc dịch cơ thể, bao gồm các giọt nước bọt hoặc giọt bắn đường hô hấp hoặc tiếp xúc với dịch tiết từ vết thương trên da. Sự lây truyền bệnh đậu mùa khi từ người sang người xảy ra không hiệu quả và được cho là xảy ra hầu hết qua các giọt bắn đường hô hấp lớn khi tiếp xúc trong thời gian dài.

Hiện nay, giới chức y tế các nước vẫn chưa giải thích được nguyên nhân virus đậu mùa khi đột

ngột lây lan. Cơ quan chức năng đang điều tra giả thiết bệnh đậu mùa khi có hay không có khả năng lây lan qua đường tình dục. Các ca nhiễm bệnh gần đây chủ yếu là nam giới trong cộng đồng LGBT do đó các chuyên gia kêu gọi nhóm đối tượng này cần đặc biệt lưu ý đến các điểm bất thường trên cơ thể như: phát ban, mụn nước...

Chính vì thế Liên bang Nga đã đưa ra một lệnh nhằm hạn chế tạm thời đối với việc nhập khẩu động vật linh trưởng sống và động vật gặm nhấm từ tất cả các đối tác thương mại do sự bùng phát của bệnh đậu mùa khi. ■

MA RỐC DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH THIẾT LẬP CÁC BIỆN PHÁP GIÁM SÁT VÀ KIỂM SOÁT KDTV ĐỐI VỚI THỰC VẬT, SẢN PHẨM THỰC VẬT VÀ CÁC MẶT HÀNG KHÁC

Ngày 10/6/2022, Ma rốc đăng thông báo số G/SPS/N/MAR/85 nhằm thông báo Dự thảo Nghị định thiết lập các biện pháp giám sát và kiểm soát KDTV đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các mặt hàng khác.

■ **TS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam



Ảnh: Nguồn internet

Luật số 76-17 về bảo vệ thực vật được thành lập trên cơ sở Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC), được ký kết tại Rome ngày 6 tháng 12 năm 1951 và được Dahir ban hành theo số 1-73-439 ngày 14 Hija 1393 (8 tháng 1 năm 1974), khung pháp lý của Ma-rốc cho phép nhà nước giám sát và kiểm soát dịch hại nhằm đảm bảo việc bảo vệ KDTV trên toàn lãnh thổ quốc gia.

Dự thảo nghị định thiết lập một số điều khoản cụ thể liên quan đến Văn phòng Quốc gia về An toàn Thực phẩm (ONSSA), theo Điều 2 của Luật số 25-08 của ONSSA, thay mặt nhà nước thực hiện các chức năng liên quan đến việc bảo vệ kiểm tra sức khỏe thực vật và kiểm dịch thực vật.

Theo đó, dự thảo Nghị định nêu rõ:

(1) Khuôn khổ trong đó giám sát KDTV được tiến hành tại Ma-rốc bởi các cơ quan ONSSA liên quan.

(2) Các biện pháp kiểm soát KDTV áp dụng đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các mặt hàng khác khi nhập khẩu, quá cảnh và khi xuất khẩu, và các biện pháp kiểm soát KDTV áp dụng trong quá trình sản xuất, trồng và lưu thông vật

liệu nhân giống và thực vật. Nghị định này, chủ yếu dựa trên các quy định của tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật của IPPC, sẽ cho phép Ma-rốc đảm bảo rằng các quy định của mình phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến giám sát kiểm dịch thực vật trong trường hợp xuất hiện các bệnh thực vật mới, và sẽ giúp đất nước ngăn chặn bất kỳ dịch hại kiểm dịch nào xâm nhập. ■

VƯƠNG QUỐC ANH THÔNG BÁO VỀ VIỆC GIỚI THIỆU ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP THỨC ĂN VÀ THỨC ĂN CHĂN NUÔI BIẾN ĐỔI GEN

Ngày 02/6/2022, Vương quốc Anh đăng thông báo số G/SPS/N/GBR/17 nhằm Thông báo về việc giới thiệu đăng ký, cấp phép thức ăn và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen ("danh sách cấp phép GMO").

■ **THS. ĐINH ĐỨC HIỆP** - Văn phòng SPS Việt Nam



Ảnh: Nguồn internet

Vương quốc Anh giới thiệu danh sách và cấp phép thức ăn và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen như sau:

Ngoài ra, Vương quốc Anh cũng thông báo cho các thành viên về việc cấp phép cho chín GMO (năm đơn đăng ký mới, 4 đơn gia hạn) để sử dụng trên thị trường GB. Chín đơn này sẽ được thêm vào danh sách ủy quyền GMO:

- RP476 - Ngô MIR604 (gia hạn)

- RP526 - Ngô MZIR098 (đăng ký mới)
 - RP535 - Ngô MON 87427 × MON 89034 × MIR162 × NK603 và các nhánh của nó (đăng ký mới)
 - RP606 - Ngô MON 87427 × MON 89034 × MIR162 × MON 87411 và các nhánh của nó (đăng ký mới)
 - RP607 - Đậu tương MON 87751 × MON 87701 × MON 87708 × MON 89788 (đăng ký mới)
 - RP620 - Ngô Bt11 (gia hạn)
 - RP714 - Ngô MON 87427 × MON 87460 × MON 89034 × MIR162 × NK603 và nhánh của nó (đăng ký mới)
 - RP715 - Ngô MON 88017 (gia hạn)
 - RP716 - Ngô MON 89034 (gia hạn)
- GMOs đang được phép sử dụng trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, ngoại trừ trong trồng trọt. ■

NHẬT BẢN CHỈ ĐỊNH AXIT BENZOIC LÀM PHỤ GIA THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Ngày 01/6/2022, Nhật Bản đăng thông báo số G/SPS/N/JPN/1048 nhằm Thông báo về việc Chỉ định axit benzoic làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.

■ **THS. BÙI ĐỨC TOÀN** - Văn phòng SPS Việt Nam



Ảnh: Nguồn internet

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) sẽ chỉ định axit benzoic làm phụ gia thức ăn chăn nuôi và thiết lập các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của chất này theo sắc lệnh cấp Bộ trong thông báo của Bộ trưởng về việc chỉ định phụ gia thức ăn chăn nuôi (Thông báo công khai số 750 của Bộ Nông nghiệp, Lâm

NGHIỆP và Thủy sản ban hành ngày 24 Tháng 7 năm 1976) "và" Sắc lệnh của Bộ trưởng về quy cách và tiêu chuẩn thức ăn và phụ gia thức ăn chăn nuôi "(Sắc lệnh số 35 ngày 24 tháng 7 năm 1976 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp).

(Đề xuất sửa đổi)

Hàm lượng axit benzoic trong thức ăn không được quá 0,5% axit benzoic chỉ được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn cho lợn (không quá 70 kg thể trọng)



Ảnh: Nguồn internet

HOA KỲ ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO FLUOPICOLIDE

Ngày 30/5/2022, Hoa Kỳ đưa ra thông báo số G/SPS/N/USA/3330 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho Fluopicolide.

■ **BÙI MINH PHONG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Do đó, mức dư lượng tối đa được thiết lập cho Fluopicolide, bao gồm các chất chuyển hóa và phân hủy của nó, trong hoặc trên:

- + Thức ăn chăn nuôi, không phải cỏ, nhóm 18 ở mức 0,5 ppm;
- + Lạc ở mức 0,03 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

- + Cỏ, thức ăn thô xanh, thức ăn gia súc và cỏ khô, nhóm 17 ở mức 0,5 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

- + Sản phẩm phụ bông ở mức 0,2 ppm;
- + Hạt, phần hút khí ở mức 0,07 ppm;
- + Hạt, ngũ cốc, nhóm 15 ở mức 0,02 ppm;
- + Ngũ cốc, nhóm 15, sản phẩm phụ xay xát ở mức 0,07 ppm;



Ảnh: Nguồn internet

- + Ngũ cốc, thức ăn thô xanh, thức ăn gia súc và rơm, nhóm 16 ở mức 0,5 ppm;
- + Hạt có dầu nhóm 20 ở mức 0,03 ppm;
- + Đậu phộng, cỏ khô ở mức 0,7 ppm;
- + Đậu nành, dầu tinh luyện ở mức 0,03 ppm;
- + Lá rau họ đậu nhóm 7 0,2 ppm;
- + Rau họ đậu nhóm 6 là 0,02 ppm.



Ảnh: Nguồn internet

Sau khi thiết lập các dung sai đã nói ở trên, các dung sai đã thiết lập đối với dư lượng fluopicolide gián tiếp hoặc vô ý trong 40 CFR 180.627(d) sẽ bị xóa khi chúng được thay thế bằng các dung sai mới. ■

HOA KỲ ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO PYRIDATE

Ngày 30/5/2022, Hoa Kỳ đưa ra thông báo số G/SPS/N/USA/3329 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho pyridate.

■ **BÙI MINH PHONG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Do đó, mức dư lượng tối đa được thiết lập đối với pyridate, trong hoặc trên:

+ Đậu lăng, khô, hạt ở mức 0,4 ppm



Ảnh: Nguồn internet

+ Hạt cải dầu phân nhóm 20A ở mức 0,05 ppm.



Ảnh: Nguồn internet

HOA KỲ ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO FLONICAMID

Ngày 23/5/2022, Hoa Kỳ đưa ra thông báo số G/SPS/N/USA/3327 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho flonicamid.

■ **THS. ĐINH ĐỨC HIỆP** - Văn phòng SPS Việt Nam

Do đó, quy định này thiết lập dung sai đối với dư lượng thuốc diệt côn trùng flonicamid, bao gồm các chất chuyển hóa và chất phân hủy của nó, trong hoặc trên:

+ Cây leo ăn quả nhỏ (trừ quả kiwi lông) nhóm 13-07F ở mức 3 ppm.

+ Ngoài ra, quy tắc này sửa đổi dung sai hiện tại đối với dư lượng thuốc diệt côn trùng



Ảnh: Nguồn internet

flonicamid trong hoặc trên vỏ linh lăng, cỏ khô ở mức 7 ppm.



Ảnh: Nguồn internet

HOA KỲ ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO MANDESTROBIN

Ngày 18/5/2022, Hoa Kỳ đưa ra thông báo số G/SPS/N/USA/3325 nhằm thông báo về việc đề xuất mức dư lượng tối đa cho mandestrobin.

■ **TTS. ĐÀO VĂN CƯỜNG** - Văn phòng SPS Việt Nam

Do đó, dung sai được thiết lập đối với dư lượng của mandestrobin trong hoặc trên:

+ Rau diếp, ở mức 0,08 ppm;

+ Xà lách, lá ở mức 4 ppm;



Ảnh: Nguồn internet



Ảnh: Nguồn internet

+ Hạt cải dầu phân nhóm 20A ở mức 0,2 ppm.

DANH SÁCH CÁC THÔNG BÁO VỀ DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TRONG THÁNG 6 NĂM 2022

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Quốc gia	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/TUR/126	Thổ Nhĩ Kỳ	20/06/2022	Quy định của Codex Thổ Nhĩ Kỳ về phụ gia thực phẩm
2	G/SPS/N/EU/572	Liên minh châu Âu	20/06/2022	Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban (EU) về các thỏa thuận thống nhất thực hiện các kiểm soát liên quan đến việc sử dụng hoạt chất dược lý được phép sử dụng làm thuốc thú y, phụ gia TACN và các chất có hoạt tính dược lý bị cấm/không được phép sử dụng, dư lượng các chất, hàm lượng cụ thể các kế hoạch kiểm soát quốc gia và các kế hoạch chuẩn bị
3	G/SPS/N/EU/571	Liên minh châu Âu	20/06/2022	Dự thảo Quy chế ủy quyền của Ủy ban (EU) bổ sung Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về các yêu cầu các biện pháp kiểm soát cụ thể khi sử dụng hoạt chất dược lý (được cho phép sử dụng) sử dụng làm thuốc thú y, phụ gia TACN; các hoạt chất dược lý (bị cấm/ không được phép) và dư lượng của các hoạt chất này
4	G/SPS/N/CAN/1244/ Add.16	Ca-na-đa	20/06/2022	Điều kiện áp dụng liên quan đến khu vực kiểm soát thứ cấp của dịch tả lợn châu Phi
5	G/SPS/N/USA/3334	Hoa Kỳ	17/6/2022	Dung sai thuốc trừ sâu thiamethoxam; Quy tắc cuối cùng
6	G/SPS/N/KWT/120	Cô-ét	17/6/2022	153 thông số kỹ thuật đối với thực phẩm và nông sản ở Bang Cô-ét. Thông báo này hủy bỏ tất cả các quyết định trước đó về việc áp dụng các quy định kỹ thuật và các thông số kỹ thuật tiêu chuẩn Cô-ét.

7	G/SPS/N/IDN/143	In-đô-nê-xi-a	17/6/2022	Nghị định số 15 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp liên quan đến tiêu chuẩn hoạt động kinh doanh và tiêu chuẩn sản phẩm về thực hiện giấy phép kinh doanh dựa trên rủi ro trong lĩnh vực nông nghiệp.
8	G/SPS/N/USA/3333	Hoa Kỳ	16/6/2022	Lấy mẫu Salmonella từ cá da trơn (Siluriformes)
9	G/SPS/N/USA/3332	Hoa Kỳ	16/6/2022	Dùng sai thuốc trừ sâu picarbutrazox; Quy tắc cuối cùng
10	G/SPS/N/RUS/253	Nga	16/6/2022	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc phê duyệt thủ tục truy xuất nguồn gốc các sản phẩm đã qua kiểm dịch (Hàng hóa đã qua kiểm dịch, nguyên liệu đã qua kiểm dịch) nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của EAEU và di chuyển qua lãnh thổ hải quan của EAEU
11	G/SPS/N/RUS/252	Nga	16/6/2022	Thư của Cục Giám sát Thú y và Kiểm dịch Liên bang số FS-KS-7/15219 ngày 2 tháng 6 năm 2022.
12	G/SPS/N/KEN/160	Kê-ni-a	15/6/2022	DEAS 888: 2022 Thông số kỹ thuật Lạc sống, rang và chiên
13	G/SPS/N/KEN/158	Kê-ni-a	15/6/2022	KS 2966-2022 Thực phẩm ăn liền
14	G/SPS/N/KEN/157	Kê-ni-a	15/6/2022	KS 1095-2022 Hỗn hợp gia vị thực phẩm
15	G/SPS/N/KEN/156	Kê-ni-a	15/6/2022	DEAS 889: 2022 Thông số kỹ thuật hạt lạc để chiết xuất dầu.
16	G/SPS/N/KEN/155	Kê-ni-a	15/6/2022	DEAS 60: 2022 Thông số kỹ thuật bơ đậu phộng.
17	G/SPS/N/NZL/688	Niu Di-lân	14/6/2022	Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: hạt giống gieo trồng (155.02.05).
18	G/SPS/N/NZL/687	Niu Di-lân	14/6/2022	Đề xuất sửa đổi Thông báo thực phẩm của Niu Di-lân (Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp) NIU DI LÂN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI THÔNG BÁO THỰC PHẨM (MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA CHO CÁC HỢP CHẤT NÔNG NGHIỆP)
19	G/SPS/N/UKR/175	U-crai-na	10/6/2022	Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng U-crai-na ngày 7 tháng 5 năm 2022 số 537 "Một số vấn đề về kiểm soát nhà nước nhằm kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phụ phẩm động vật, sức khỏe và tình trạng của động vật, thú y nhà nước và kiểm soát vệ sinh và nhập khẩu hàng hóa đến lãnh thổ hải quan của U-crai-na trong thời gian thiết quân luật"

20	G/SPS/N/MAR/85	Ma-rốc	10/6/2022	Dự thảo Nghị định thiết lập các biện pháp giám sát và kiểm soát KDTV đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các mặt hàng khác
21	G/SPS/N/CAN/1440	Canada	10/6/2022	Mức dư lượng tối đa: Oxathiapiprolin (PMRL2022-12)
22	G/SPS/N/TZA/192	Tan-da-ni-a	09/6/2022	DARS 871, Đặc điểm kỹ thuật đậu Hà Lan tách khô -, Ấn bản thứ hai
23	G/SPS/N/TZA/191	Tan-da-ni-a	09/6/2022	DARS 870, Đặc điểm kỹ thuật đậu lăng -, Ấn bản thứ hai
24	G/SPS/N/TZA/190	Tan-da-ni-a	09/6/2022	DARS 869, Đậu Hà Lan, khô, nguyên hạt - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai
25	G/SPS/N/TZA/189	Tan-da-ni-a	09/6/2022	DARS 868, Đậu triều khô - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai
26	G/SPS/N/TZA/188	Tan-da-ni-a	09/6/2022	DARS 867, Đậu dài - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai
27	G/SPS/N/TZA/187	Tan-da-ni-a	09/6/2022	DARS 864, Đậu khô - Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai
28	G/SPS/N/TUR/76/ Add.2	Thổ Nhĩ Kỳ	09/6/2022	Sửa đổi Quy định Codex: Thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ (mặt hàng thực phẩm) bởi Codex Thổ Nhĩ Kỳ
29	G/SPS/N/CHL/727/ Add.1	Chi-lê	09/6/2022	Dự thảo Nghị quyết thông qua văn bản phối hợp - hợp nhất Nghị quyết thiết lập các yêu cầu nhập khẩu đối với cấu trúc dưới lòng đất để nhân giống các loài cây cảnh; cập nhật các yêu cầu đối với các loài cũ và bãi bỏ Nghị quyết số 3.418 năm 2002
30	G/SPS/N/CAN/1439	Ca-na-đa	08/6/2022	<u>Giới hạn dư lượng tối đa: Fluensulfone (PMRL2022-11).</u>
31	G/SPS/N/ARE/255, G/SPS/N/BHR/223 G/SPS/N/KWT/119, G/ SPS/N/OMN/119 G/ SPS/N/QAT/123, G/SPS/N/SAU/466 G/ SPS/N/YEM/64	Ả Rập Xê Út	08/6/2022	Ả Rập Xê Út dự thảo Quy định kỹ thuật giới hạn dư lượng tối đa cho sản phẩm thuốc trừ sâu và chất gây ô nhiễm.
32	G/SPS/N/GBR/13/ Add.1	Anh	07/6/2022	<u>GB đề xuất (MRLs) cho chlorothalonil, sửa đổi Sổ đăng ký GB MRL</u>
33	G/SPS/N/CHE/86/ Add.1	Thụy Sĩ	07/6/2022	<u>Sửa đổi Pháp lệnh EAER và DETEC về Sức khỏe Thực vật (PGesV-WBFUVEK, SR 916.201)</u>

34	G/SPS/N/UKR/174	U-crai-na	03/6/2022	Luật số 2246 của U-crai-na "Về việc sửa đổi một số luật về sản xuất và cung cấp không bị gián đoạn các sản phẩm nông nghiệp trong thời gian thiết quân luật" ngày 12 tháng 5 năm 2022
35	G/SPS/N/EU/569	Liên minh châu Âu	03/6/2022	Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2022/854 ngày 31 tháng 5 năm 2022 sửa đổi Phụ lục III của Quy định thực thi (EU) 2020/2235 liên quan đến giấy chứng nhận chính thức/thứ y cho việc nhập vào Liên minh các lô hàng có nguồn gốc động vật (OJ L 150, ngày 1 tháng 6 năm 2022, trang 69)
36	G/SPS/N/CHL/730	Chi Lê	03/6/2022	Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật số 209 quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (được thông qua theo Nghị quyết miễn trừ số 892 năm 2020 của Bộ Y tế)
37	G/SPS/N/GBR/17	Vương quốc Anh	02/6/2022	Thông báo về việc giới thiệu đăng ký, cấp phép thức ăn và thức ăn chăn nuôi biến đổi gen ("danh sách cấp phép GMO") và cấp phép cho chín mục đích sử dụng GMO
38	G/SPS/N/TUR/125	Thổ Nhĩ Kỳ	01/6/2022	Quy định Codex về thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về thực vật, nấm, tảo và địa y có thể được sử dụng trong thực phẩm
39	G/SPS/N/TUR/124	Thổ Nhĩ Kỳ	01/6/2022	Quy định Codex về thực phẩm mới của Thổ Nhĩ Kỳ.
40	G/SPS/N/JPN/1048	Nhật Bản	01/6/2022	Chỉ định axit benzoic làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.
41	G/SPS/N/BRA/1978/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Chỉ thị quy phạm số 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021
42	G/SPS/N/BRA/1625/ Add.3	B'ra-xin	01/6/2022	Chỉ thị quy phạm số 88, ngày 26 tháng 03 năm 2021
43	G/SPS/N/UKR/173	U-crai-na	31/5/2022	Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và thực phẩm U-crai-na "Phê duyệt các yêu cầu đối với các cơ sở sản xuất, chế biến và lưu trữ vật liệu tái sản xuất, động vật - người hiến tặng vật liệu tái sản xuất, thu gom, chế biến, bảo quản, vận chuyển và dán nhãn vật liệu tái sản xuất"
44	G/SPS/N/SLV/17/ Add.1	Cộng hòa En Xan-va-đo	31/5/2022	NSO 67.02.13: 97: Thịt và các sản phẩm từ thịt, xúc xích sống và chín

45	G/SPS/N/USA/3330	Hoa Kỳ	3/5/2022	Dung sai thuốc trừ sâu fluopicolide. Quy tắc cuối cùng
46	G/SPS/N/USA/3329	Hoa Kỳ	3/5/2022	Dung sai thuốc trừ sâu pyridate. Quy tắc cuối cùng
47	G/SPS/N/USA/3328	Hoa Kỳ	3/5/2022	Phụ gia thực phẩm gián tiếp: Chất kết dính và các thành phần của lớp phủ; Các thành phần giấy và bia; Polyme; Chất bổ trợ, hỗ trợ sản xuất và Chất khử trùng; Quy tắc cuối cùng.
48	G/SPS/N/UKR/172	U-crai-na	3/5/2022	Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng U-crai-na "Về việc phê duyệt thủ tục đăng ký nhà nước đối với các cơ sở chăn nuôi và quản lý chợ" ngày 19 tháng 4 năm 2022 (Nghị quyết số 461).
49	G/SPS/N/UKR/171	U-crai-na	3/5/2022	Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế U-crai-na "Về các sửa đổi đối với Lệnh của Bộ Y tế U-crai-na số 400 ngày 12 tháng 5 năm 2010".
50	G/SPS/N/TPKM/586	Đài Loan	30/5/2022	Dự thảo sửa đổi "Quy định nhập khẩu vật thể phải kiểm dịch động vật" và "Yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm có nguồn gốc động vật" liên quan đến Điều 19 (Phụ lục 18-4) của "Quy định nhập khẩu Đối tượng Kiểm dịch động vật".
51	G/SPS/N/IND/281	Ấn Độ	30/5/2022	Tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm và phụ gia thực phẩm) Quy định sửa đổi, 2022
52	G/SPS/N/IND/280	Ấn Độ	30/5/2022	Các giao thức vận chuyển trong quá cảnh và chuyển hàng trước để nhập khẩu ngũ cốc và bột đậu.
53	G/SPS/N/GBR/16	Vương quốc Anh	30/5/2022	Cập nhật danh sách dịch hại kiểm dịch GB
54	G/SPS/N/BRA/2044	B'ra-xin	30/5/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1095, ngày 12 tháng 5 năm 2022.
55	G/SPS/N/BRA/2043	B'ra-xin	30/5/2022	Dự thảo Sắc lệnh thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt giống dưa chuột (<i>Cucumis sativus</i>) từ bất kỳ nguồn gốc nào
56	G/SPS/N/AUS/536	Úc	25/5/2022	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc – Niu Di-lân sửa đổi (ngày 17 tháng 5 năm 2022).

57	G/SPS/N/UKR/170	U-crai-na	25/5/2022	Nghị quyết số 398 của nội các Bộ trưởng U-crai-na “Vấn đề thực hiện các biện pháp và thủ tục KDTV trong thời điểm thiết quân luật” ban hành ngày 1 tháng 4 năm 2022.
58	G/SPS/N/CHL/729	Chi-lê	25/5/2022	Nghị quyết miễn trừ 2314 năm 2022, sửa đổi Nghị quyết miễn trừ 7675 năm 2016 quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống cây, hạt giống trang trại, hạt giống thảo dược – dược liệu từ mọi nguồn nhập khẩu để lập biện pháp khẩn cấp ngăn chặn sự xâm nhập của vi rút hại quả cà chua nâu (ToBRFV).
59	G/SPS/N/JPN/1034	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
60	G/SPS/N/JPN/1033	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
61	G/SPS/N/JPN/1032	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
62	G/SPS/N/JPN/1031	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
63	G/SPS/N/JPN/1030	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
64	G/SPS/N/JPN/1029	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
65	G/SPS/N/JPN/1028	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).

66	G/SPS/N/JPN/1027	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
67	G/SPS/N/JPN/1026	Nhật Bản	24/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
68	G/SPS/N/USA/3327	Hoa Kỳ	23/5/2022	Dùng sai thuốc trừ sâu flonicamid; Quy tắc cuối cùng.
69	G/SPS/N/USA/3326	Hoa Kỳ	23/5/2022	Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA) nhận được hồ sơ khuyến nghị việc thiết lập, thay đổi các quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật đối với thuốc bảo vệ thực vật trong các mặt hàng.
70	G/SPS/N/JPN/1025	Nhật Bản	23/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
71	G/SPS/N/JPN/1024	Nhật Bản	23/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
72	G/SPS/N/JPN/1023	Nhật Bản	23/5/2022	Sửa đổi thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp).
73	G/SPS/N/JPN/1022	Nhật Bản	23/5/2022	Sửa đổi Sắc lệnh Thực thi đạo luật vệ sinh thực phẩm, các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm...
74	G/SPS/N/EU/568	Liên minh châu Âu	23/5/2022	Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc sử dụng axit ascorbic (E 300), natri ascorbate (E 301) và canxi ascorbate (E 302) trong cá ngừ (Có liên quan đến EEA)

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/THA/275/Add.1	Thái Lan	17/6/2022	Thông báo số 432 của Bộ Y tế, có tiêu đề “Ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen (GMFs)”
2	G/SPS/N/TPKM/536/Add.1	Đài Loan	16/6/2022	Việc sửa đổi “Quy định kiểm dịch đối với đối tượng kiểm dịch động vật và thực vật được điều chỉnh vào khu thương mại tự do”
3	G/SPS/N/EU/535/Add.1	Liên minh châu Âu	16/6/2022	Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban (EU) sửa đổi Phụ lục VI của Quy định (EC) số 152/2009 liên quan đến các phương pháp phân tích để phát hiện các thành phần của động vật không xương sống trên cạn nhằm kiểm soát chính thức đối với thức ăn chăn nuôi
4	G/SPS/N/NZL/660/Add.1	Niu Di-lân	14/6/2022	Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: sản phẩm động vật thủy sản
5	G/SPS/N/JPN/863/Add.1	Nhật Bản	13/6/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
6	G/SPS/N/JPN/873/Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
7	G/SPS/N/JPN/872/Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
8	G/SPS/N/JPN/871/Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
9	G/SPS/N/JPN/870/Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
10	G/SPS/N/JPN/869/Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng)
11	G/SPS/N/JPN/868/Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)

12	G/SPS/N/JPN/867/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
13	G/SPS/N/JPN/866/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
14	G/SPS/N/JPN/865/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
15	G/SPS/N/JPN/862/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
16	G/SPS/N/JPN/861/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
17	G/SPS/N/JPN/860/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
18	G/SPS/N/JPN/859/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
19	G/SPS/N/JPN/858/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
20	G/SPS/N/JPN/857/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
21	G/SPS/N/JPN/856/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
22	G/SPS/N/JPN/855/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)
23	G/SPS/N/JPN/833/ Add.1	Nhật Bản	10/6/2022	Thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm... theo Đạo luật về sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy định cuối cùng)

24	G/SPS/N/BRA/2012/ Add.1	B'ra-xin	03/6/2022	Sắc lệnh SDA số 585, ngày 31 tháng 5 năm 2022- Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với hạt phi yến (Loại 4) (<i>Delphinium spp.</i>) từ bất kỳ nguồn gốc nào
25	G/SPS/N/USA/2862/ Add.3	Hoa Kỳ	01/6/2022	Hội đồng Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; từ chối Đơn kiến nghị phụ gia thực phẩm
26	G/SPS/N/TPKM/582/ Add.1	Đài Loan	01/6/2022	Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất gây ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm
27	G/SPS/N/THA/541	Thái Lan	01/6/2022	Lệnh DLD tạm ngừng nhập khẩu lợn sống, lợn rừng và thịt của chúng từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của bệnh dịch tả lợn châu Phi.
28	G/SPS/N/BRA/2008/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1074, ngày 3 tháng 2 năm 2022
29	G/SPS/N/BRA/2007/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1073, ngày 3 tháng 2 năm 2022
30	G/SPS/N/BRA/2006/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1072, ngày 3 tháng 2 năm 2022
31	G/SPS/N/BRA/2004/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1070, ngày 28 tháng 1 năm 2022
32	G/SPS/N/BRA/2000/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1069, ngày 19 tháng 1 năm 2021
33	G/SPS/N/BRA/1999/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết - RDC số 1068, ngày 19 tháng 1 năm 2021
34	G/SPS/N/BRA/1997/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1067, ngày 6 tháng 1 năm 2022
35	G/SPS/N/BRA/1996/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1066, ngày 6 tháng 1 năm 2022
36	G/SPS/N/BRA/1995/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1065, ngày 6 tháng 1 năm 2022
37	G/SPS/N/BRA/1994/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1064, ngày 6 tháng 1 năm 2022
38	G/SPS/N/BRA/1993/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1063, ngày 6 tháng 1 năm 2022
39	G/SPS/N/BRA/1992/ Add.1	B'ra-xin	01/6/2022	Dự thảo Nghị quyết số 1062, ngày 6 tháng 1 năm 2022
40	G/SPS/N/TPKM/583/ Add.1	Đài Loan	30/5/2022	Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
41	G/SPS/N/CAN/41/ Add.1	Canada	30/5/2022	Hướng dẫn mới cho quy định thực phẩm mới tập trung vào việc chọn tạo giống cây trồng

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn/>

